

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.530.838.979	385.354.359.090
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	68.177.427.728	62.533.121.724
Tiền	111		11.149.142.824	15.431.353.472
Các khoản tương đương tiền	112		57.028.284.904	47.101.768.252
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.978.741.833	197.944.178.681
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	155.604.752.834	190.256.008.583
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	29.341.183.550	5.661.031.066
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	3.097.284.731	3.091.618.314
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.6	(11.064.479.282)	(11.064.479.282)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		109.388.611.546	120.576.360.764
Hàng tồn kho	141	5.7	109.480.381.489	120.668.130.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(91.769.943)	(91.769.943)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.986.057.872	4.300.697.921
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	1.020.842	2.333.333
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.587.293.555	3.898.198.412
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15a	397.743.475	400.166.176
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		293.831.952.998	294.900.756.176
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	10.000.000	10.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		52.086.808.567	53.010.662.335
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	52.066.008.560	52.988.262.329
- Nguyên giá	222		69.551.807.437	69.551.807.437
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.485.798.877)	(16.563.545.108)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	20.800.007	22.400.006
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.199.993)	(9.599.994)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		120.389.128.444	120.389.128.444
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.11	120.389.128.444	120.389.128.444
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		119.809.431.649	119.809.431.649
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.12	119.809.431.649	119.809.431.649
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.536.584.338	1.681.533.748
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	1.536.584.338	1.681.533.748
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		661.362.791.977	680.255.115.266

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
NỢ PHẢI TRẢ	300		183.184.802.235	203.462.092.283
Nợ ngắn hạn	310		183.184.802.235	203.462.092.283
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	35.077.905.535	55.364.058.086
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	34.258.323.195	24.133.158.878
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15b	1.358.485.207	5.973.157.456
Phải trả người lao động	314		3.055.827.570	5.372.795.772
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	-	129.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	13.952.018.775	13.657.608.175
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	90.867.170.286	94.217.242.249
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	4.615.071.667	4.615.071.667
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		478.177.989.742	476.793.022.983
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	478.177.989.742	476.793.022.983
Vốn góp của chủ sở hữu	411		369.499.950.000	369.499.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		369.499.950.000	369.499.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	(4.390.693.200)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.173.540.996	104.952.965.702
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.952.965.702	77.237.771.552
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.220.575.294	27.715.194.150
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.895.191.946	6.730.800.481
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		661.362.791.977	680.255.115.266

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đỗ Thị Phương Thảo

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2023	Quý I/2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	38.019.850.179	96.538.161.734
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	38.019.850.179	96.538.161.734
Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.197.118.342	81.971.717.709
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.822.731.837	14.566.444.025
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	782.898.057	208.485.708
Chi phí tài chính	22	6.4	426.877.864	275.971.350
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		426.877.864	265.574.511
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	279.557.287	613.118.133
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.450.705.653	6.014.495.430
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.448.489.090	7.871.344.820
Thu nhập khác	31	6.7	637.953.842	267.702.224
Chi phí khác	32	6.8	487.347.207	16.967.542
Lợi nhuận khác	40		150.606.635	250.734.682
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.599.095.725	8.122.079.502
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	324.128.966	1.625.766.339
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.274.966.759	6.496.313.163
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.220.575.294	6.139.138.309
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.391.465	357.174.854
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	33	166
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	33	166

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Quý I/2023	Quý I/2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	1.599.095.725	8.122.079.502
Điều chỉnh cho các khoản		-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	923.853.768	907.737.567
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(703.426.299)	(95.291.086)
- Chi phí lãi vay	06	426.877.864	275.971.350
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.246.401.058	9.210.497.333
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.840.911.015	30.730.481.943
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	11.181.149.218	(14.178.781.924)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.055.925.777)	(57.108.673.499)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	146.261.901	(169.540.655)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(426.877.864)	(275.971.350)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.835.445.268)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.096.474.283	(31.791.988.152)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.169.603.961)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.026.516.652)	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.890.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	814.420.336	83.967.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.102.096.316)	(11.085.636.200)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2023

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Quý I/2023	Quý I/2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	11.000.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	35.382.252.854	38.433.888.050
Tiền trả nợ gốc vay	34	(28.732.324.817)	(243.185.739)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.649.928.037	38.190.702.311
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	5.644.306.004	(4.686.922.041)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60	62.533.121.724	49.576.553.563
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	68.177.427.728	44.889.631.522

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU**Đỗ Thị Phương Thảo****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Cao Hải Ngọc****TỔNG GIÁM ĐỐC****Lê Văn Cường**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I / 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 22 (lần gần nhất) ngày 30 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 369.499.950.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2023 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Số 47/4/6 đường số 2, khu phố 2, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Tổng số các công ty con: 04 (bốn) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 (bốn) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	Thôn Thọ Bình, xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất sản phẩm bằng kim loại	99,00%	99,00%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	95,00%	95,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill	Xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Kinh doanh bất động sản, du lịch, nghỉ dưỡng	99,00%	99,00%

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	Xóm Bùi Trám, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Xây dựng nhà để ở	44,00%	45,00%

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 31/12/2022 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00% (tại ngày 31/12/2021 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 42,59%).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (“Công ty mẹ”) và bốn công ty con: Công ty TNHH HVC Hưng Yên (“Công ty con”); Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (“Công ty con”); Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (“Công ty con”) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Lakehill (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý I năm 2023 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp của các công trình đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06 năm

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong năm 2023 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành đối với các công trình thi công lắp đặt được xét theo từng công trình, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

4.18. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.19. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

4.21. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.22. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	7.690.123.456	723.624.518
Tiền gửi ngân hàng	3.459.019.368	14.707.728.954
Các khoản tương đương tiền (i)	57.028.284.904	47.101.768.252
Cộng	68.177.427.728	62.533.121.724

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Hội sở; thời hạn 01 tháng đến 03 tháng; lãi suất 5,0%/năm đến 5,8%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	155.604.752.834	190.256.008.583
- Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes	10.032.709.889	64.771.297.296
- Công ty Cổ phần Vinhomes	58.228.590.070	25.227.062.765
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Gia Lâm	15.296.817.486	19.690.721.077
- Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	23.214.100.797	15.296.817.486
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Danko	6.162.324.299	11.660.463.285
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
- CN Nha Trang - Công ty Cổ phần Vinpearl	5.670.741.693	7.480.610.466
- Công ty Cổ Phần Bể bơi Thông minh Spool	3.045.824.261	5.670.741.693
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	7.489.432.466	794.312.301
- Các khách hàng khác	16.864.211.873	30.063.982.214
Cộng	155.604.752.834	190.256.008.583

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
<i>Trả trước người bán là bên thứ ba</i>	29.341.183.550	5.661.031.066
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HTI	1.400.289.000	1.400.289.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật TITANIA	-	711.504.000
Công ty TNHH Fluidra Việt Nam	20.338.999.164	-
Các nhà cung cấp khác	7.601.895.386	3.549.238.066
Cộng	29.341.183.550	5.661.031.066

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH Sông Thao (i)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

i) Số dư về tiền cho vay tại ngày 31/12/2022 căn cứ theo Đề nghị hỗ trợ vay vốn ngày 10/02/2022 và Hợp đồng cho vay ngày 12/02/2022, với các điều khoản chi tiết sau: số tiền cho vay là 10.000.000.000 VND. Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu thanh toán tiền thuê đất của Công ty TNHH Sông Thao. Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Lãi suất cho vay: 6,8%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không bảo đảm bằng tài sản.

5.5 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/03/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	112.020.692	-	182.020.692	-
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.602.743.141	-	646.934.486	-
- Tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	456.523.228	-	456.520.876	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.030.214.704	-	74.408.401	-
- Tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	77.705.209	-	77.705.209	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược khác	38.300.000	-	38.300.000	-
Phải thu khác	1.382.520.898	-	2.262.663.136	-
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-	710.435.616	-
- Công ty TNHH Sông Thao	-	-	710.435.616	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba	-	-	1.552.227.520	-
- Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	108.726.968	-
- Tiền bồi thường đất theo QĐ 60/PA-HD cho UBND huyện Khoái Châu	1.380.000.900	-	1.380.000.900	-
- Phải thu khác	2.519.998	-	63.499.652	-
Cộng	3.097.284.731	-	3.091.618.314	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

b. Phải thu dài hạn khác

	31/03/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	10.000.000	-	10.000.000	-

5.6 Nợ xấu

	31/03/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	11.162.084.832	97.605.550	11.162.084.832	97.605.550
Từ 03 năm trở lên	10.966.873.731	-	10.966.873.731	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	154.253.092	-	154.253.092	-
- Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	282.800.000	-	282.800.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Long HABICO	74.760.000	-	74.760.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	75.637.210	-	75.637.210	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư DHC	79.437.673	-	79.437.673	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Trung Kính	31.997.609	-	31.997.609	-
- Công ty Cổ phần Milton	435.848.744	-	435.848.744	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long	196.560.784	-	196.560.784	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Long Thành	35.578.620	-	35.578.620	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	-	9.600.000.000	-
Từ 02 đến dưới 03 năm	-	-	-	-
Từ 01 đến dưới 02 năm	195.211.101	97.605.550	195.211.101	97.605.550
- Công ty Cổ phần Đầu tư DIC	104.209.784	52.104.892	104.209.784	52.104.892
- Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hanteco Việt Nam	27.279.514	13.639.757	27.279.514	13.639.757
- Công ty TNHH Madison Land	63.721.803	31.860.901	63.721.803	31.860.901

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/03/2023 (VND)	Năm 2022 (VND)
Số đầu năm	11.064.479.282	7.147.849.848
Trích lập dự phòng trong năm	-	4.058.001.994
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(141.372.560)
Số cuối năm	11.064.479.282	11.064.479.282

5.7 Hàng tồn kho

	31/03/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	6.019.418.995	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.191.462.243	(91.769.943)	99.092.218.599	(91.769.943)
- Hàng hóa	21.288.919.246	-	15.556.493.113	-
Cộng	109.480.381.489	(91.769.943)	120.668.130.707	(91.769.943)

5.8 Chi phí trả trước*a Chi phí trả trước ngắn hạn*

	01/01/2023 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/03/2023 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.333.333	-	(1.312.491)	1.020.842
Cộng	2.333.333	-	(1.312.491)	1.020.842

b Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2023 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Phân bổ chi phí trong năm (VND)	31/03/2023 (VND)
Công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.681.533.748	-	(144.949.410)	1.536.584.338
Cộng	1.681.533.748	-	(144.949.410)	1.536.584.338

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2023	52.411.642.161	11.392.779.515	4.863.680.673	883.705.088	69.551.807.437
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/03/2023	52.411.642.161	11.392.779.515	4.863.680.673	883.705.088	69.551.807.437
<i>Trong đó:</i>					
Thế chấp, cầm cố (*)	39.310.710.687	-	234.474.571	-	39.545.185.258
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.333.400.046	312.675.200	625.278.182	-	2.271.353.428
Giá trị hao mòn					
01/01/2023	10.726.390.901	3.514.160.249	1.916.360.506	406.633.452	16.563.545.108
Khấu hao trong kỳ	548.830.539	192.752.268	152.812.008	27.858.954	922.253.769
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
31/3/2022	11.275.221.440	3.706.912.517	2.069.172.514	434.492.406	17.485.798.877
Giá trị còn lại					
01/01/2023	41.685.251.260	7.878.619.266	2.947.320.167	477.071.636	52.988.262.329
31/03/2023	41.136.420.721	7.685.866.998	2.794.508.159	449.212.682	52.066.008.560

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý dự án.

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2023	32.000.000	9.599.994	22.400.006
Tăng trong năm	-	1.599.999	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/03/2023	32.000.000	11.199.993	20.800.007

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
- Mua bất động sản đầu tư tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	89.948.612.000	89.948.612.000
- Xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị sắt thép, thiết bị lọc xử lý nước và đồ gỗ nội thất	30.440.516.444	30.440.516.444
Cộng	120.389.128.444	120.389.128.444

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Tên công ty	01/01/2023	Đầu tư mới trong năm	Phân chia lãi / (lỗ) từ các công ty liên kết trong năm	31/03/2023
	(VND)			(VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành	119.809.431.649	-	-	119.809.431.649
Cộng	119.809.431.649	-	-	119.809.431.649

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết:

	31/03/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
Công ty Cổ phần Chí Thành (*)	44,00%	45,00%	119.809.431.649	44,00%	45,00%	119.809.431.649
Cộng			119.809.431.649			119.809.431.649

(*) Công ty Cổ phần Chí Thành là Công ty liên kết của Công ty mẹ do tỷ lệ biểu quyết trực tiếp là 20% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH HVC Hưng Yên (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 99,00% quyền biểu quyết) là 10,00%, Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 90,00% quyền biểu quyết) là 3,00% và Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (là Công ty con mà Công ty mẹ nắm giữ 95,00% quyền biểu quyết) là 12,00%. Theo đó, tại ngày 31/03/2023 tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Chí Thành là 45,00% và tỷ lệ lợi ích là 44,00%.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	35.077.905.535	35.077.905.535	55.364.058.086	55.364.058.086
- Công ty TNHH Xây lắp Ngọc Hân	-	-	6.359.865.428	6.359.865.428
- Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786	4.016.877.786
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Gia Vinh	1.688.636.626	1.688.636.626	4.065.756.696	4.065.756.696
- Các nhà cung cấp khác	29.372.391.123	29.372.391.123	40.921.558.176	40.921.558.176
Cộng	35.077.905.535	35.077.905.535	55.364.058.086	55.364.058.086

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
Các khách hàng là bên thứ ba	34.258.323.195	24.133.158.878
- Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	9.825.700.805	9.825.700.805
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Vạn Phúc	7.423.949.018	7.283.697.701
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	9.560.678.539	-
- Các khách hàng khác	7.447.994.833	7.023.760.372
Cộng	34.258.323.195	24.133.158.878

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	394.875.417	394.875.417
- Thuế giá trị gia tăng	394.875.417	394.875.417
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	2.868.058	5.290.759
- Thuế thu nhập cá nhân	2.868.058	5.290.759
Cộng	397.743.475	400.166.176

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	751.159.661	751.159.661	3.644.036.706	3.644.036.706
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	732.004.265	732.004.265	3.633.552.615	3.633.552.615
- Thuế thu nhập cá nhân	19.155.396	19.155.396	10.484.091	10.484.091
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	258.906.065	258.906.065	1.292.173.379	1.292.173.379
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	258.906.065	258.906.065	1.292.173.379	1.292.173.379
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	195.720.949	195.720.949	603.109.007	603.109.007
- Thuế giá trị gia tăng	29.703.418	29.703.418	167.595.302	167.595.302
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	165.162.051	165.162.051	434.959.522	434.959.522
- Thuế thu nhập cá nhân	855.480	855.480	554.183	554.183
Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park	151.920.920	151.920.920	433.838.364	433.838.364
- Thuế giá trị gia tăng	34.371.377	34.371.377	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.234.439	111.234.439	418.715.218	418.715.218
- Thuế thu nhập cá nhân	6.315.104	6.315.104	15.123.146	15.123.146
Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill	777.612	777.612	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	777.612	777.612	-	-
Cộng	1.358.485.207	1.358.485.207	5.973.157.456	5.973.157.456

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2023 (VND)	01/01/2023 (VND)
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	129.000.000
Cộng	-	129.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm (i)	13.657.608.175	13.657.608.175
- Các khoản phải trả khác	294.410.600	-
Cộng	<u>13.952.018.775</u>	<u>13.657.608.175</u>

(i) Đây là khoản phải trả về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần May Chiến Thắng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HĐHTKD/HVC-MCT ngày 20 tháng 01 năm 2021. Theo đó, Công ty hợp tác để thực hiện Dự án khu biệt thự nhà vườn, trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái tại xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Công ty Cổ phần May Chiến Thắng ủy quyền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm chuyển tiền hợp tác đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC để thực hiện dự án.

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2023		01/01/2023	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn – Ngân hàng techcombank	90.867.170.286	90.867.170.286	94.217.242.249	94.217.242.249
Hợp đồng tín dụng	10.309.726.499	10.309.726.499	12.052.094.819	12.052.094.819
Hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu	80.557.443.787	80.557.443.787	82.165.147.430	82.165.147.430
Cộng	<u>90.867.170.286</u>	<u>90.867.170.286</u>	<u>94.217.242.249</u>	<u>94.217.242.249</u>

5.19 Dự phòng phải trả

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.615.071.667	4.615.071.667
Cộng	<u>4.615.071.667</u>	<u>4.615.071.667</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

5.20 Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2022	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	77.237.771.552	17.930.392.097	460.277.420.449
Lãi trong năm nay	-	-	-	22.167.027.923	303.508.470	22.470.536.393
Phân chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản trả cho chủ sở hữu vốn và số vốn góp của chủ sở hữu khi tách doanh nghiệp tại Công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên) (i)	-	-	-	4.004.615.480	40.450.661	4.045.066.141
Thay đổi tỷ lệ và phần sở hữu của cổ đông mẹ và cổ đông không kiểm soát khi công ty con giảm vốn (i)	-	-	-	1.543.550.747	(11.543.550.747)	(10.000.000.000)
31/12/2022	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	104.952.965.702	6.730.800.481	476.793.022.983
01/01/2023	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	104.952.965.702	6.730.800.481	476.793.022.983
Cổ đông thiểu số góp vốn trong kỳ	-	-	-	-	110.000.000	110.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.220.575.294	54.391.465	1.274.966.759
31/03/2023	369.499.950.000	(4.390.693.200)	-	106.173.540.996	6.895.191.946	478.177.989.742

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

(i) Căn cứ Thông báo số 420/TB-UBND ngày 07/12/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc đồng ý chủ trương tách doanh nghiệp, tách dự án của Công ty TNHH HVC Hưng Yên trên địa bàn xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên thành 2 doanh nghiệp là Công ty TNHH HVC Hưng Yên (doanh nghiệp bị tách) và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên Hưng Yên (doanh nghiệp được tách). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11/01/2016, thay đổi lần gần nhất (lần 04) ngày 21/02/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 21/02/2022 là 60.000.000.000 (giảm từ 70.000.000.000 đồng xuống còn 60.000.000.000 đồng, vốn điều lệ giảm tương ứng với số vốn góp của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Long Biên). Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên tại ngày 31/12/2022 là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99,00% vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2021 là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 84,86% vốn điều lệ).

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/03/2023	Năm 2022
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	369.499.950.000	369.499.950.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	369.499.950.000	369.499.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-
Bằng tiền mặt	-	-
Bằng cổ phiếu	-	-

Cổ phiếu

	31/03/2023	01/01/2023
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.949.995	36.949.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.949.995	36.949.995
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.949.995	36.949.995
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.949.995	36.949.995
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.949.995	36.949.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
Tổng doanh thu	38.019.850.179	96.538.161.734
- Doanh thu bán hàng hóa	388.553.200	24.146.212.853
- Doanh thu bán thành phẩm	1.634.005.745	11.330.642.861
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	35.997.291.234	61.061.306.020
Doanh thu thuần	38.019.850.179	96.538.161.734

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	310.842.400	20.618.985.759
- Giá vốn thành phẩm	956.257.907	8.216.526.600
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	28.930.018.035	53.136.205.350
Cộng	30.197.118.342	81.971.717.709

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	782.898.057	208.485.708
Cộng	782.898.057	208.485.708

6.4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Chi phí lãi vay	426.877.864	265.574.511
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	10.396.839
Cộng	426.877.864	275.971.350

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Chi phí bảo hành	156.732.387	19.033.133
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.700.000	594.085.000
- Chi phí bằng tiền khác	20.124.900	-
Cộng	279.557.287	613.118.133

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	4.958.826.850	4.023.643.164
- Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	148.441.078	39.829.944
- Chi phí khấu hao TSCĐ	726.817.161	560.637.897
- Thuế, phí và lệ phí	160.603.548	87.417.009
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.173.494	971.717.927
- Chi phí bằng tiền khác	213.843.522	331.249.489
Cộng	6.450.705.653	6.014.495.430

6.7. Thu nhập khác

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Thu nhập khác	637.953.842	267.702.224
Cộng	637.953.842	267.702.224

6.8. Chi phí khác

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
- Chi phí khác	487.347.207	16.967.542
Cộng	487.347.207	16.967.542

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	324.128.966	1.625.766.339
Cộng	324.128.966	1.625.766.339

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được dự tính như sau:

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC)	126.668.226	611.739.654
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH HVC Hưng Yên)	-	486.077.612
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC)	77.544.513	368.013.657
Phát sinh tại công ty con (Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park)	119.138.615	159.935.416
Phát sinh tại công ty con (Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill)	777.612	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	324.128.966	1.625.766.339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2023

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý I năm 2023 (VND)	Quý I năm 2022 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	1.220.575.294	6.139.138.309
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.220.575.294	6.139.138.309
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	36.949.995	36.949.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	166

Nhóm công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường